

BIỂU TƯỢNG “PHỐ” TRONG THƠ NGUYỄN VIỆT CHIẾN

Hoàng Thị Trần Chuyên

Trường Trung học phổ thông Việt Nam – Ba Lan, Hoàng Mai, Hà Nội

Tóm tắt. Khảo sát 286 bài thơ thuộc 6 tập thơ, chúng tôi thống kê đã rất nhiều lần Nguyễn Việt Chiến trực tiếp nói về biểu tượng “phố” (188 lần), điều này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của không gian sống đô thị, cảm hứng thể sự “phố” chi phối sáng tác của nhà thơ. Nhìn từ diện mạo, biểu tượng “phố” luôn đa nghĩa, không chỉ hướng đến lí trí mà còn hướng đến cả những tình cảm, vô thức, nảy sinh những liên tưởng phức tạp, thể hiện sự đa dạng của quan hệ giữa cái nhìn thấy được với cái thuộc tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng. Biểu tượng “phố” là hình ảnh của cái đẹp lãng mạn, huyền ảo, mong manh và cũng là cái mới, sự đổi thay, là cái cảm dỗ, bất an, đổ vỡ. Nhìn từ kiến tạo, biểu tượng “phố” được tổ chức theo kiểu một thi ảnh phức tạp, trong mối quan hệ với cái tôi trữ tình là mối quan hệ khi là đồng nhất, lúc là phân thân đối thoại. Vì những lẽ trên, biểu tượng “phố” trong thơ Nguyễn Việt Chiến tạo ra những giá trị biểu hiện vô cùng kỳ diệu, tác động đến toàn bộ tinh thần của người tiếp nhận, cả cảm giác, lí trí, tâm linh và được cộng đồng thừa nhận chứ không chỉ mang tính cá nhân.

Từ khóa: Biểu tượng phố, thơ Nguyễn Việt Chiến, không gian đô thị.

1. Mở đầu

Trên thế giới, nghiên cứu về bản chất, ý nghĩa của biểu tượng có rất nhiều ý kiến phong phú. Thứ nhất, biểu tượng theo nghĩa rộng, bao gồm tất cả các hình thức biểu hiện văn hóa loài người như: nghi lễ, ngôn ngữ, nghệ thuật, thần thoại, khoa học, ... đều là biểu tượng. Biểu tượng ở đây hầu như đồng nhất với ký hiệu, tính biểu tượng tương đương với tính ký hiệu. Có thể kể đến hai công trình của E. Cassirer “*Kinh nghiệm về con người*” và “*Triết học các hình thức biểu tượng*” [1], Charles Sanders Peirce, *Tập hợp tác phẩm* (8 tập, nhiều người biên tập) [2]. Thứ hai, biểu tượng được quan niệm hẹp hơn, như một dạng kí hiệu đặc biệt, hình ảnh, sự vật, sự việc được biểu đạt từ biểu tượng gọi người đọc đến một ý nghĩa khác với những gì nó biểu lộ trực tiếp. Ý nghĩa này đa dạng, mơ hồ, xa lạ, tàng ẩn chỉ tư duy ý chí không nắm bắt hết được. Theo quan điểm này có thể kể đến các tác giả tiêu biểu như A.F. Losev “*Biểu tượng và sáng tạo nghệ thuật*” [3], Iu. Lotman “*Kí hiệu học văn hóa*” [4], Carl Gustav Jung “*Thăm dò tiềm thức*” [5], Alain Gheerbrant và Jean Chavelie “*Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*” [6], Tzvetan Todorov “*Chủ nghĩa biểu tượng và sự diễn giải*” [7], ...

Ở Việt Nam, nghiên cứu lí thuyết biểu tượng và tiếp cận khoa học nghiên cứu biểu tượng đã được du nhập vào Việt Nam từ hơn 100 năm qua theo hướng tiếp cận hàn lâm của phương Tây. Cho đến nay, khi nghiên cứu lí thuyết biểu tượng trên nền tảng ký hiệu học, nhân học, nghệ thuật học,... đã có những thành tựu nhất định, có những bước tiến rõ rệt. Có thể kể đến Trịnh Bá Đình với cuốn “*Từ kí hiệu đến biểu tượng*” [8], Đinh Hồng Hải “*Nghiên cứu biểu tượng, một số hướng*

Ngày nhận bài: 19/3/2019. Ngày sửa bài: 19/4/2019. Ngày nhận đăng: 12/5/2019.

Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Trần Chuyên. Địa chỉ e-mail: hoangchuyen1984@gmail.com

tiếp cận lí thuyết” [9],... Các nhà nghiên cứu tiếp cận biểu tượng ở góc độ văn hóa, tiêu biểu như: *Nguồn gốc và sự phát triển của kiến trúc biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn* của Tạ Đức [10], *Biểu tượng rùa trong văn hóa Việt Nam và thế giới* của Chu Thị Quỳnh Giao [11], *Thế giới biểu tượng tiếp cận từ góc độ văn hóa học* của Phạm Đức Dương [12], Nguyễn Thị Bích Hà với *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian* [13],... Khía cạnh khác, lí thuyết biểu tượng được nhìn ở phương diện văn học với nhiều công trình đồ sộ: *Tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan [14], *Về một số biểu tượng văn học dân gian miền núi* của Vũ Anh Tuấn [15], *Vấn đề nghiên cứu biểu tượng thơ ca dân gian* của Phạm Thu Yên [16], *Sự phát triển ý nghĩa của hệ biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam* của Nguyễn Thị Ngân Hoa [17] ... Trong rất nhiều những công trình nghiên cứu gần đây, cũng có rất nhiều các nhà nghiên cứu quan tâm đến vấn đề này: *Hệ thống hình ảnh biểu tượng trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu* [18], *Biểu tượng nghệ thuật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp* [19], *Biểu tượng nghệ thuật trong thơ Xuân Quỳnh* [20], *Thế giới biểu tượng trong Di cảo thơ của Chế Lan Viên* [21], *Biểu tượng “nước”, “lửa” trong sáng tác của một số nhà văn nữ đương đại* [22], *Những biểu tượng nghệ thuật tiêu biểu trong thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám năm 1945* [23],...

Tuy nhiên, tiếp cận, nghiên cứu thơ ca Nguyễn Việt Chiến từ hệ thống biểu tượng là một hướng đi mới, chưa có ai quan tâm. Khi tìm hiểu về thơ ca Nguyễn Việt Chiến, các tác giả nghiên cứu lẻ tẻ về một bài thơ hoặc một tập thơ mà nhà nghiên cứu tâm đắc ở một khía cạnh nào đó. Tuy nhiên, phần lớn đó là những bài viết ngắn, những cảm nhận, những nhận xét mang tính khái quát, đăng rải rác ở một số tờ báo. Có thể kể đến một số bài tiêu biểu như: *Khách mời quán văn - Nhà thơ Nguyễn Việt Chiến* của Đoàn Văn Mật [24]; *Nhà thơ Nguyễn Việt Chiến háo hức lên con tàu tìm bến đỗ mới cho thi ca* của Đỗ Ngọc Yên [25]; *Nguyễn Việt Chiến – thiên sư quán trăng* của Đỗ Minh Tuấn [26], *Hoá giải cô độc – từ đọc chậm đến sống chậm* của Gia Nghi [27],...

Với sáu tập thơ và hai trường ca đã công bố, với nhiều giải thưởng thi ca danh giá đã đạt được, Nguyễn Việt Chiến là một gương mặt rất nổi bật của thơ Việt đương đại. Với bản lĩnh và bản năng tinh nhạy của một người làm báo cùng lối tư duy biến hoá của một thi sĩ tài hoa, thơ Nguyễn Việt Chiến luôn nóng hổi tính thời sự, mang đậm hơi thở cuộc sống đương đại trong một hình thái thơ ca dạt dào xúc cảm và âm ập hình sắc. Vì thế thơ anh đã để lại những dấu ấn khó phai trong lòng người đọc. Với những giá trị hiện lộ và tiềm ẩn, thơ Nguyễn Việt Chiến luôn mời gọi sự tìm hiểu và khám phá của người đọc. Một trong những giá trị như thế là hệ thống biểu tượng phong phú trong thơ anh. Truy tìm nguồn gốc, lí giải và cắt nghĩa những biểu tượng nghệ thuật trong thế giới nghệ thuật của tác giả vốn là một khuynh hướng khám phá đang thịnh hành, có thể đem lại cho người đọc những tri thức thú vị cùng những hứng thú mới mẻ. Chính vì những lẽ đó mà người viết chọn vấn đề nghiên cứu “*Biểu tượng **phổ** trong thơ Nguyễn Việt Chiến*”. Từ hướng tiếp cận vào hệ thống biểu tượng này, chúng tôi mong muốn làm sáng rõ phần nào những giá trị và thành tựu tiêu biểu mà tác giả đã đạt được. Biểu tượng văn học là sản phẩm nghệ thuật mang tính quy ước, là một dạng thức mã hóa những cảm xúc, tri nhận, tư tưởng nghệ thuật về đời sống. Một hình ảnh ngôn ngữ muốn trở thành một biểu tượng, trước hết nó phải xuất hiện với tần suất lớn, khơi gợi trong ý thức một chuỗi liên tưởng, tưởng tượng; không chỉ miêu tả một hiện tượng đời sống cụ thể mà mang tính khái quát nghệ thuật, vừa có sự tiếp nối mạch truyền thống, vừa có cách tân, sáng tạo. Từ nhận thức trên đây về khái niệm biểu tượng, người viết phân biệt những thi ảnh đã thành biểu tượng với thi ảnh chỉ là hình ảnh thơ đơn thuần. Trong khuôn khổ của bài nghiên cứu này, người viết chỉ khảo sát sự xuất hiện của biểu tượng “phổ” trong thơ Nguyễn Việt Chiến. Còn những hình ảnh phổ đơn thuần đều không thuộc phạm vi nghiên cứu của bài viết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Biểu tượng “phố” nhìn từ diện mạo

Biểu tượng “phố” trong thơ Nguyễn Việt Chiến, có nhiều ý nghĩa biểu trưng đặc sắc, phản ánh những biểu hiện đa dạng về nội dung với những cách nhìn, diện mạo khác nhau, hết sức phong phú.

Cảm quan phố thị đã trở thành rất quen thuộc trong văn học đương đại. Trong văn học đổi mới, cảm hứng nghệ thuật này được thể hiện đậm nét ở các sáng tác văn xuôi, từ một số tác phẩm của Nguyễn Minh Châu, Lê Minh Khuê, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải đến Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Trần Trung Chính, Phan Thị Vàng Anh, Phan Triều Hải..., “*đô thị được hiện lên với nhiều bản khuôn, trong sự phân biệt giữa thành thị và nông thôn, sự đa dạng phức tạp thời bình và tính một chiều thời chiến, cảm hứng thế sự đời tư và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; rồi phân vân, trăn trở trong những khác biệt về giới và tính dục, về không gian sống, vấn đề cá nhân cá tính, tình yêu, hạnh phúc...*” [28] Các nhà văn viết về đô thị chính là viết về một mảng đời của họ, bằng sự trải nghiệm sâu sắc và những day dứt, ám ảnh khôn nguôi về thân phận con người trước sự xô bồ của thành phố và đất nước đang phân hóa mạnh mẽ bởi sự đổi thay về đời sống kinh tế, luân lý và đạo đức. Nguyễn Việt Chiến vốn xuất thân là một đứa con từ vùng nông thôn làng nghề, đã từng là người lính ra chiến trường, khi về tới phố thị, kiếm sống nhọc nhằn trong không gian đô thị, tất nhiên chịu nhiều gian truân. Đối với ông, phố thị là hiện thực, là đời người trong những bước đi, quá trình thăng trầm của nó.

Khảo sát 286 bài thơ thuộc 6 tập thơ, chúng tôi thống kê đã rất nhiều lần Nguyễn Việt Chiến trực tiếp nói về không gian “phố” (188 lần), điều này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của không gian sống đô thị, cảm hứng thế sự chi phối sáng tác của nhà thơ. Biểu tượng “phố” được tồn tại ở nhiều danh thức như: “thành phố” (65 lần), “phố xưa” – “phố cổ”, “phố cũ” (15 lần), “phố mưa” – “mưa phố” (9 lần), “đầy phố” (7 lần); ngoài ra là sự xuất hiện của “mái phố”, “lửa phố”, “phố đêm”, “phố vắng”, “hồn phố”, ... “Thành phố” là một danh từ chung, chỉ một khu định cư đô thị có dân số lớn, có trình độ phát triển nhanh chóng có cơ sở hạ tầng hiện đại và cũng là những trung tâm về văn hóa, chính trị du lịch. Các biểu hiện khác của biểu tượng “phố” thường lấy một đặc điểm, đặc tính (“lửa phố”, “phố đêm”, “phố vắng”, “hồn phố”, “phố xưa” – “phố cổ”, “phố cũ”, “phố xa”, “phố lạnh”, “phố xa”, “màu lam phố”, “phố cháy”, “phố xám”) hoặc sự việc, sự vật đặc trưng gắn với “phố” (“mái phố”, “phố mưa” – “mưa phố”, “đầy phố”, “cây phố”, “mặt phố”, “đèn phố”, “mùa phố”, “độc phố”, “huyền thoại phố”) để làm nổi bật lên biểu tượng phố. Cũng vì lẽ đó biểu tượng “phố” trở nên đa dạng, nhiều sắc thái biểu cảm. Dù xuất hiện dưới dạng thức ngữ âm nào, thì “phố” thực sự là một biểu tượng sống động đa nghĩa về hiện thực xã hội.

2.1.1. Cái đẹp lãng mạn

Hà Nội có những lúc bình yên như thế. Bình yên thu vào căn cốt cái thanh tao, dịu dàng và đầm ấm âm ỉm. “Phố bốn mùa”, hay “mùa phố” dù biểu tượng cho sự trôi chảy của thời gian. Nhưng đó, trước hết là những thời gian đẹp, thi vị và lãng mạn: khi là “*loài mây say trên phố*” lãng đãng, phiêu ru bông bèo mà lững lờ bay chẳng chịu rời đi khỏi phố, lúc lại là “mưa sương”, thứ mưa khiến đất trời mờ ảo, huyền hoặc, đủ thấm dần cái vị nồng nàn của hơi xuân vào lòng người mỗi độ xuân sang, hay đó cũng là những mái phố với màu rêu phong cổ kính mỗi độ thu về ...

“Trên mái phố những đám mây thật lạ / Tuổi thơ nào cũng nhớ một bà tiên

“Tháng giêng mưa ngoài phố / Mưa như là sương thôi”

(Mưa tháng giêng)

Từ xa xưa, Hà Nội 36 phố phường. Cho tới mãi khoảng 30 năm gần đây, người Hà Nội mới xác nhận thêm vào 36 phố kia, một phố mới - phố thứ 37 là “Phố Phái”:

“Phố Phái quanh co lúp xúp nhà

... *Phố Phái* rêu nâu vằng vát còn
... *Phố Phái* tìm gì ta mãi thức
Hồn trong *tranh phố* chẳng yên nguôi
... Trên bờ *phố cổ* cây đàn võ
Em mãi hoang vu những bãi bờ
.. Mai Lâm *phố cũ* chiều không cũ”

(*Phố Phái*)

“*Phố Phái*” không dựng trên mặt đất mà dựng từ hồn cốt của 36 phố phường. Nó nằm trong khung vải của họa sĩ Bùi Xuân Phái. “*Phố Phái*” là những bức tranh về phố cổ Hà Nội của ông. Yêu da diết, yêu lặng lẽ những phố cổ Hà Nội, họa sĩ Bùi Xuân Phái đã mở ra trên khung vải của mình một mảng về phố với bút pháp độc nghệ. Ông đã kiến trúc lại các phố cổ bằng tài năng của mình, hay ngược lại, các phố cổ Hà Nội đã tạo ra sự phát lộ của tài năng Bùi Xuân Phái. Vào tranh Bùi Xuân Phái, các phố cổ Hà Nội bỗng ngơ ngác một dáng vẻ riêng, thăm thẳm một tâm tư riêng. Vào thơ Nguyễn Việt Chiến, cũng có một “*Phố Phái*” đậm chất thơ ca nghệ thuật, mang hồn phố cổ Hà Nội, chứa đựng tình yêu tha thiết của nhà thơ với văn hóa “phố xưa”. Những vần thơ “*Phố Phái*” như một bầu trời kí ức và kỉ niệm níu giữ những gì bền vững tha thiết nhất trong hồn cốt của phố cất giữ vồn vẹn trong một “khung thơ”.

“Tôi đã thấy mùa thu / nặng như bầy chim nhỏ
Lang thang trên *mái phố* / đánh rơi quả chuông vàng”

(*Mùa thu ở lại*)

Mùa thu gõ vào lòng nỗi buồn, chạm vào trái tim những hiu hiu rất khẽ. Nhưng cứ nhìn trên “*mái phố*” vốn dĩ là những dấu tích của ngàn xưa cổ kính, giờ như đã tỉnh giấc được thổi hơi thở mới của đất trời. Sự so sánh, ẩn dụ tạo ra một trường liên tưởng vô cùng sống động: nặng giống như bầy chim, dạo chơi trên *mái phố*, với những bước chân êm dịu lặng lẽ, tí tách mà lung linh diệu kì vàng tươi, óng ánh. Ánh nắng hanh hao, nhảy nhót, vàng rộm lách tách mang hơi thu về, khắc chạm vào cõi lòng thi nhân, tạo ra những rung cảm diệu kì của những nỗi niềm hoài cổ vẩn vương. “*Mái phố*” quần quýt với nắng, là bệ đỡ những “bầy nắng nhỏ”, nhưng cũng gửi vào nắng biết bao nỗi niềm băng khuâng, da diết. Phố vào thu làm lòng người se lại.

Tạm biệt mùa thu thường khế đến, mau đi, mong manh trong “*đáng phố*”. Phố không biết từ lúc nào đón đông sang:

“Mùa đông chim sẽ đất bay rồi / *Cây phố* tần ngần – *phố* nhớ ai?
... Tôi nghe *hơi phố* không còn ấm / Mà lửa đèn đêm thức nhớ gì?
... Chim sẽ mùa đông, *phố vắng em* / Bụi mờ, sương bạc gáy sách đêm”

(*Chim sẽ phố*)

“*Cây phố*” được nhân hóa mang dáng vẻ tâm trạng của con người “tần ngần” - tỏ ra còn đang mãi nghĩ ngợi, ngẩn ngơ chưa biết nên làm gì hoặc nên quyết định như thế nào. Thậm chí, trong lời thơ còn có sự hóa thân phân thân của cái tôi nhân vật trữ tình “*Cây phố* tần ngần – *phố* nhớ ai?”. Câu hỏi vẩn vương gợi nhắc một vùng kỉ niệm êm đềm. Phố mùa đông là lạnh, là vắng, tĩnh lặng và âm u. Lòng người vì lẽ đó mà mang mặc cảm chia ly, thấy hồn cô độc: “Tôi nghe *hơi phố* không còn ấm – Mà lửa đèn đêm thức nhớ gì?”. “*Hơi phố*” vốn dĩ được cảm nhận bằng xúc giác, thị giác nhưng ở đây lại được đón nhận bằng thính giác “nghe *hơi phố*”. Cách giao hòa này gợi cho tôi nhớ đến một câu thơ thức nhọn giác quan của nhà thơ Xuân Diệu: “Đã nghe rét mướt luồn trong gió”. Nghe thấy cái hơi lạnh rùng mình run rẩy chớm đông, run run trước cái lạnh xào xạc của những cơn gió mùa đông bắc chớm về. Kì diệu thay, cái hơi thở của mùa đông, cái hơi thở sức sống con người, cái nhịp sống của phố cứ đan cài vào nhau tạo nên một bức tranh cuộc sống “phố lạnh”. Những cột đèn chiếu sáng còn thức, như đốm lửa – “lửa đèn” không đủ xua tan giá lạnh.

“Phố lạnh” hơn bởi “bụi mờ”, “sương bạc” như một xã hội thiếu vắng tình người, tình đời, sống hờ hững thờ ơ trôi đi.

“Đêm nay khe khẽ mùa đi / Mùa đi
mấy ngọn *phố khuya* đỏ đèn / Mảnh trăng còn thức sau đêm
Lặng lẽ bầy kiến đi bên vòm trời”

(Trăng)

Mỗi mùa đi, ấn tượng trong lòng người khoảnh khắc giao mùa, cái cũ chưa tan hết mà cái mới đã nhen nhóm hình thành tạo ra trong lòng người những rung cảm “khe khẽ”. Nói như Hoài Thanh, ở cái dấu mốc mà mọi sự đều không rõ ràng, mông lung ấy thì “Cảnh như muốn theo lời thơ mà tan ra. Nó chỉ mất một tí rõ ràng để được thêm rất nhiều thơ mộng”. Đêm phố chuyển mùa, không gian dường như trong vắt, thuần khiết, kì diệu bởi ánh đèn phố khuya xen lẫn ánh trăng dịu dịu “mảnh trăng – còn thức”. Có một điều gì yên ả, mộng mơ như một thế giới cổ tích của trẻ thơ trong cái giây phút “Lặng lẽ bầy kiến đi bên vòm trời”.

Bằng sự quan sát tinh tế và nhạy cảm, bằng cả sự hóa thân len lỏi, sự đắm đuối say mê trong từng góc phố, Nguyễn Việt Chiến đã phát hiện sự quyến rũ của thiên nhiên phố qua các mùa, sự thi vị của mây khói, sương chiều, hoa lá,... đủ tạo nên một biểu tượng phố là hình ảnh của cái đẹp lãng mạn, huyền ảo, mong manh.

2.1.2. Cái mới, sự đổi thay

Một xã hội sẽ chết, nếu không có sự di chuyển. Thay đổi là bản chất của phát triển, nhưng đứng trước một sự đổi thay, con người ta vẫn cứ thấy choáng ngợp, bàng hoàng. Đôi khi chỉ là những biến đổi của thiên nhiên, đất trời cũng ngầm báo hiệu sự đổi thay của kiếp người. Xuất phát đầu tiên, có thể là sự tiếc nuối vô bờ, hụt hẫng vô tận vì nhân thế:

“Em ngủ rồi, em có dậy nữa không? / Mùa thu tiễn anh qua *miền phố vắng*
Mong manh quá lời yêu không đủ ấm / Những đam mê ngày ấy ngỡ xa rồi
... Ở bên kia *thành phố* có sương mù / Ai hát đây: Ta buồn như cỏ dại
Dậy thôi em mùa thu không trở lại / Giấc mơ nào trên cỏ hãy còn xanh.”

(Mùa thu không trở lại)

Mùa thu đi, em cũng theo mùa thu đi mất, chỉ còn lại giấc mơ dang dở của một lời yêu mong manh sương khói. Phố khi này chỉ còn là “miền phố vắng” – thế giới của sự cô đơn, lẻ loi, của một cõi lòng tan vỡ theo những đổi thay khốc liệt. Hiện thực cuộc sống vốn dĩ luôn gay gắt, niềm vui qua nhanh nhưng nỗi buồn thì “như cỏ dại”. Nó mọc khắp nơi, mọi chốn trong tâm hồn ta. Sự tồn tại của nỗi buồn dai dẳng, mà quan trọng hơn hết, nó ngấm sâu vào mọi ngóc ngách, lan tỏa hoang dại mà sinh sôi, nảy nở. Biết đau thương vì số kiếp bất hạnh, bé nhỏ, mong manh và cô độc của con người, là nỗi đau nhân sinh muôn thưở của trái tim người nghệ sĩ. Đổi thay là tất yếu, để không tiệm cận đến tận diệt, để vơi bớt nỗi cô độc bất tận:

“Mưa rơi đây! Chỉ có mưa là biết / Mùa thu đi *ngoài phố* có một mình”

(Chia tay mùa thu)

Những “mùa phố” qua đâu phải chỉ là sự chảy trôi của thiên nhiên tạo vật, mỗi “mùa phố” đổi thay là sự khác nữa của nếp sống, độ sống và chất sống:

“*Thành phố* tháng năm này tôi sống / Đã khác xưa thật nhiều

Đường mới mở miền man toàn biệt thự / Đường không cây, mây lẫn khói xăng chiều

Lũ trẻ nhỏ thích chơi trò điện tử / Em váy dài, váy ngắn phía thương yêu”

(Thành phố ngàn xưa)

Trong nhịp sống hối hả hiện đại, người ta bỗng quên đi, thành phố vốn còn là bề dày biết bao những vĩa vằng trầm tích của văn hóa “tháp Rùa”, “gác cổ Khuê Văn”, “những tấm bia tiền sử”,

“những đền chùa miếu phủ”,... Đáng sợ nhất là lòng người chẳng còn nhớ thành phố đã từng đau thương, đã từng được xây nên bằng máu của biết bao thế hệ “Những người trai chinh chiến chẳng thấy về... Họ nằm lại những người còn rất trẻ”. Có nỗi buồn thương tê tái, có những níu giữ mãnh liệt của quá khứ. Vẫn biết rằng, thành phố đổi thay là tất yếu nhưng người yêu phố, yêu hồn xưa phố cũ vẫn cứ khuôn nguôi kiếm tìm về hôm qua. Thành phố trong tâm tưởng cá nhân và cộng đồng luôn có một vị trí đặc biệt. Sự đặc biệt này xuất phát từ những nét đặc trưng riêng của nó về không gian thiên nhiên và không gian xã hội đời sống. Biểu tượng thành phố trong tâm thức mỗi người thường gắn với chiều sâu lịch sử và văn hóa rất riêng biệt. “*Nó tạo nên các cấu trúc thành phố xưa – nay trong văn bản nghệ thuật và hai chủ đề cái đẹp đã / đang tàn phai và bản sắc Hà Nội. Giọng điệu phố biến là hoài cổ, hiếu cổ, tiếc nuối một vẻ đẹp đã mất, một thành phố đã xa*” [8; tr.142]:

“Đâu rồi / Phố xưa / Hồn của phố
Bên cây đèn cổ / Thắp bằng dầu hôi
... Tiếng chuông chùa cũ / Ông nghề phố xưa
... Hồn phố xưa còn / Dưới trăng mê mãi
Nhà phố xưa còn / Rong chơi mòn mỏi.
Người phố xưa còn / Lãng ru tê tái
Đèn phố xưa còn / Mất đêm thắp lại
Tôi mơ”

(Phố I)

Trong tập thơ *Những con ngựa đêm*, Nguyễn Việt Chiến có một chùm thơ “Phố” bao gồm 9 bài thơ. Chùm thơ là nỗi lòng thi nhân tri âm, luyện tiếu về hồn xưa của phố. Hội tụ lên “hồn phố xưa” là “nhà phố xưa”, “người phố xưa”, “đèn phố xưa”. Vẻ đẹp thời trước với các đường phố loanh quanh uốn khúc chằng chịt lấy nhau và các dáng điệu cổ kính của các thợ thủ công lành nghề cúi mình trong các căn nhà nhỏ, trên những công việc cổ truyền... Về kiến trúc, nhà phố cổ Hà Nội giống nhau ở chỗ mặt tiền rất chật hẹp và lòng nhà lại rất sâu. Mức độ chật hẹp vào loại nổi tiếng trên thế giới. Bề ngang hẹp, bề sâu hun hút và tối đến rợn người. Có nhà thông sang tận ngõ khác, phố khác. Nhà phố cũ Hà Nội xưa chủ yếu một tầng, có thể thêm gác lửng. Hai tường hồi xây giắt cấp với hai trụ đầu chững chạc ở đầu nóc. “Đèn phố xưa” – “cây đèn cổ/ Thắp bằng dầu hôi” phải chăng là cây đèn dầu hay đèn Hoa Kỳ là một loại đèn phát sáng do ngọn lửa đốt bằng dầu hỏa. Đèn dầu bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam vào cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20. Tất cả những điều xưa cũ ấy “mê mãi” vẫn ở đâu đây, len lỏi dưới ánh trăng, lãng đãng khắp những con đường, ngõ phố, thấp thoáng ẩn hiện đâu đó trong đêm. Bài thơ với giọng thơ hững hờ, những câu thơ buông rơi. Những điều tốt đẹp cứ tan dần ra, níu kéo mà không được, “hồn phố xưa” đang mỗi khắc, mỗi giờ hao gầy theo thời gian. Tuy nhiên, “thành phố cũ”, theo dẫn dắt của Nguyễn Việt Chiến, là nơi không “chịu lớn lên”, “không chịu tiếp nhận ánh sáng văn minh”. Có một sự so sánh rất độc đáo trong tứ thơ: “*Thành phố cũ – Như con tàu bị mắc cạn – Bên dòng chảy của những nghịch lí buồn rầu*” (Phố IV). Chắc là chỉ có Nguyễn Việt Chiến mới có cái cách so sánh lạ lùng mà nghịch dị đến vậy. Cảm nhận về biểu tượng phố ở đây, tôi thấy ý kiến của Mai Anh Tuấn thật đặc địa: “*Gần như là phẩm tính, thơ Nguyễn Việt Chiến chứa sẵn những vùng xoáy suy tư, ngẫm nghĩ, những bình luận và cảm luận. Trong nhiều đối tượng hối thúc trí nghĩ nhà thơ lí giải, dò thấu thì con người là đối tượng gây nên nhiều bất lực nhất, đồng thời, cũng là nồng nàn, day dứt và thấm đẫm cảm xúc nhất*” [29]. Dưới sự biểu đạt đa nghĩa, ta phát hiện ra một hiện thực chân thật của cuộc sống nơi thành phố, một “nghịch lí buồn rầu” rằng: sự hữu hạn của tài năng, những giấc mơ com áo gạo tiền vụn vặt, cách sống và tiếp cận giả dối, hay những tập tính thù hận và đố kị ... của con người là những điều kéo thành phố lùi vào quên lãng, trở thành con tàu bị mắc cạn, quay lưng với những văn hóa hiện đại đi ngược với dòng chảy phát triển của nhân loại.

Đã là phố thì tránh sao được tốc độ đô thị hóa, tránh sao được những xô bồ của nếp sống mới, những trộn rộn của chất sống pha tạp, lai căng. Nhưng Nguyễn Việt Chiến đứng dưới góc nhìn của một trái tim thi sĩ, khao khát một phố thị giàu bản sắc văn hóa, đậm đà truyền thống dân tộc song cũng vẫn phải là một phố thị mới mẻ văn minh, nơi con người gắn kết với con người ứng xử với nhau thật có văn hóa, có tình người. Hiện thực cuộc sống qua ước mơ đó của thi nhân, có lẽ cũng bớt đi sự nhọc nhằn, khốn khổ. “... *Phối kết một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn dòng suy tưởng nhân văn truyền thống với tâm thế thi nhân trong một thi pháp mới mang tinh thần hậu hiện đại dưới lớp vỏ cổ điển, tập thơ mới của Nguyễn Việt Chiến đã tạo ra được những hô ứng âm vang trùng điệp và tinh tế, pha trộn đan xen nỗi niềm hoài cổ và nỗi khắc khoải ở mức thượng thừa, với cái nhìn tích cực biết nhìn ra cái đẹp và khát vọng văn hoá ẩn sâu trong cái thực tại mù loà, rách nát, bi thương*” [26].

2.1.3. Cái cảm dỗ, bất an đồ võ

Thành phố đã từng chẳng phải chốn bình yên, bởi lẽ, nó là đối tượng hủy diệt của chiến tranh, của bom đạn. Phố đã từng oằn mình chống đỡ, đã từng tan hoang, đã từng tổn thương ghê gớm:

“Hà Nội đi qua năm tháng chẳng bình yên / Trên *thành phố* mùa đông không chim chóc
Lũ trẻ con chạy trốn vào trong bếp / Dưới hầm sâu mẹ lay gọi chúng về
... Nơi ẩn náu cuối cùng trên mặt đất / Cả *thành phố* chồm lên muôn vệt chớp
Đã cùng tôi đi qua tuổi thơ”

(*Hầm tránh bom và kem ốc quế*)

Và cũng vì thế thành phố cũng là dấu tích của bi thương, ẩn chứa biết bao nỗi thương đau, nỗi mất mát, hi sinh:

“Ba mươi ba năm sau / ga không còn Hàng Cỏ
phố không còn Nam Bộ / Con của mẹ
vẫn mãi mười tám tuổi / như chuyến tàu ngày ấy không về
Mẹ ở lại một mình
không phố/ không ga/ không tất cả
còn gì để nhớ / ga Hàng Cỏ dọc đường Nam Bộ”

(*Ga Hàng Cỏ dọc đường Nam Bộ*)

Nếu nỗi đau thương là một chuyến tàu. Thì sự đón đau, ám ảnh khôn nguôi là chuyến tàu nào đi mà không trở lại. Mà cho dù chuyến tàu đi không trở lại, thì sự mất mát lại càng to lớn, lại càng trở thành ẩn ức khủng khiếp khi nhìn thấy sân ga. Không còn ga, không còn chia li vội vã để vào chiến trường nhưng dấu vết tang thương của cuộc chiến thì cứ đeo đẳng lòng người. Phố là nhân chứng cho một giai đoạn, thời kì lịch sử nhức nhối đã qua, không thể phai mờ. Trở về với cuộc sống thường ngày sau chiến tranh, ám ảnh về phố trong thơ Nguyễn Việt Chiến là “phố mưa”, “mưa phố”. Sự xuất hiện rất nhiều hình ảnh này, trên tất cả các tập thơ, ở rất nhiều bài thơ, như một biểu tượng thẩm mỹ độc đáo:

“cô gái ấy trong một *chiều lam phố* / dẫu mưa đi tìm lại những dáng nhà
đang trượt ngã như vệt *mưa ngoài phố* / miết vào toan ngọn gió ướt lam mờ”

(*Ngọn gió màu lam*)

“Một *chiều mưa ngược phố* em về / ... *Màu lam phố* miết từng mảng tối
... *Phố trong mưa* khuấy động màu sơn / ... Cả *thành phố trong mưa* giao hưởng
Màu lam kia cuốn tít gót giày”

(*Mưa phố vào tranh*)

“Năm vỏ bào dưới chân cột điện / *Thành phố nằm sau mưa*

Lời hát ngây thơ đưa trẻ:

Hoàng Thị Trần Chuyển

Con bò nâu - Mảnh giẻ cũ cháy về.”

(Trẻ em trên mặt đất)

“chiếc kim đồng hồ trên nóc nhà bưu điện thành phố
nhích dần đến điểm không giờ - thành phố vẫn đang mưa
Có một người ướt thức trong ta”

(Có một người bị ướt thức trong ta)

“Thành phố đang mưa - Đám mây trong đầu anh - Và ngọn lửa nghi ngại”

(Nhật kí một nhà báo)

“Ngày mưa em nằm đâu - Thành phố nơi nào cũng ướt - Em đang sốt”

(Đêm Mỵ Châu)

“Thành phố vắng đêm nay mưa tầm tã / Chẳng còn ai thức cửa đợi ta về
... Thành phố xám mưa giăng nghìn ô cửa / Điều thuốc cháy trên môi người bạn cũ”

(Bài thơ tình viết dở)

“Thèm một ánh lửa cuối chiều đông xa - Vai em gầy lạnh trên thềm phố mưa

(Thềm)

Thành phố vốn đông người, san sát nhà cửa, ùn tắc giao thông, đâu đâu cũng là bê tông gạch ngói, ít không gian thiên nhiên, đậm đặc khói bụi. Và nếu mưa xuống thì càng chật vật hơn. Biểu tượng “thành phố mưa” vì lẽ đó ẩn ý về hiện thực cuộc sống đương đại. Thành phố có vô vàn khắp nơi những kiếp người cuộc đời vất vả, khó khăn với kiếp sống mưu sinh nhọc nhằn bươn trải: người đạp xích lô, anh thanh niên, cô gái, ... thậm chí cả anh nhà báo Nguyễn Việt Chiến. Mưa rơi khắp phố, bất kể đêm ngày, có lúc nhỏ lúc to, khi âm thầm, lúc dữ dội. “Thành phố mưa” là biểu tượng tạo sinh “thành phố khóc”, nỗi niềm của biết bao kiếp người khóc trong gian truân, lòng người như mệt mỏi, tan ra. Nhưng kì diệu là mưa có thể gột sạch, làm tươi mới, sau cơn mưa trời lại sáng. Biết đâu sẽ có một cuộc đời mới tốt đẹp hơn. Biểu tượng “phố mưa” dần hoàn chỉnh bởi khát vọng của cái tôi trữ tình với nỗi niềm canh cánh về một sự sống thay da đổi thịt, về một cuộc sống hạnh phúc hơn, đáng sống hơn! Biểu tượng có lẽ vì thế mà “... phổ diễn sự cân bằng giữa tính ngẫu hứng và kỉ luật. Ngẫu hứng chờ đón các lát cắt mới dính vào văn bản và kỉ luật bởi không có sự rập nối nào là không chịu sức ép của lí trí.” [29]

Chất thể sự trong biểu tượng “phố” hình thành những biến thể “phố bụi”, “phố già”, “phố lạnh”. Đặc tính và ý nghĩa biểu tượng của dãy phố được làm rõ qua cấu trúc so sánh tầng bậc đa nghĩa: Dãy phố – như một người già – gối đầu vào đêm mưa – để thức (Mưa lúc không giờ). Sự so sánh liên tưởng đủ thấy được sự trì trệ, yếu ớt, sự sống dần mòn của những dãy phố xưa. Cả quá trình như đang vận hành về tàn tạ, hủy diệt. Theo dấu vết của thời gian, trong quá trình sống và nhận thức, từ bề dày và bề sâu người ta thấy phố - kiếp người phố thị nhọc nhằn vất vả, oằn mình mệt mỏi trong kiếp mưu sinh khôn khó. Vỡ tanh bành, bê bết bụi bặm, cũ bản, nhếch nhác, thậm chí hoen gỉ, là những hình đặc điểm của phố thị.

“Thèm một ngọn cỏ ướt xanh mắt người / Bụi lùa trên phố cháy chiều hoa rơi”.

(Thềm)

“Sẽ lăn đi thành phố nhỏ bên đường / Tất cả bụi của một ngày khô ráo”

(Vòng lăn huyền thoại)

“Ngón tay nào lắm lem trên mặt phố / Xóa bụi đường, trẻ ngồi vẽ say sưa”

(Trẻ em trên mặt đất)

Đáng sợ hơn nữa trong tâm thức của thi nhân, thành phố là thế giới đối nghịch với thế giới tốt đẹp mà ta muốn sống. Biện pháp phóng dụ trong cấu trúc giàu liên tưởng của biểu tượng tạo nên giá trị biểu đạt, biểu cảm phong phú. Thành phố - chiếc gạt tàn của đèn đêm – đòi cháy ngược

(Thành phố cũ). Lúc này thành phố là biểu trưng cho bóng tối, những gì là căn bã, xấu xa, những tệ nạn của xã hội. Đặc biệt là, cái thế giới sai lạc đó lại còn ngổ ngược muốn lan chấy, loang ra như muốn thiêu rụi tất cả trong tro tàn, bụi bặm của nó. Phải chăng từ những trải nghiệm cá nhân, trong sự nhận thức của tín niệm tôn giáo, lựa chọn nghệ thuật, không gian sinh tồn, cảm quan về bản thể, ngoại giới, và sự thể hiện bản ngã, “*người ta có thể chứng kiến đồng thời sự đổ vỡ, cảm giác xa lạ, ý muốn chinh phục và khẳng định ... của một lớp thị dân mới, thường xuất thân từ các vùng quê hay đô thị tỉnh lẻ, thâm nhập vào lõi các đô thị lớn và hiện đại*” [28]. Giữa bon chen, xô bồ, ganh đua của nhịp sống phố thị đầy cam bẫy và cam go, lúc nào cũng có thể nuốt chửng lấy cuộc đời ta, phố ám ảnh bởi đặc tính tất yếu “lạnh lẽo” của nó:

“Chuyện thành phố có bao nhiêu đứa trẻ / Qua mùa đông lạnh lẽo chẳng tắt giày

Chuyện trái đất có bao nhiêu đứa trẻ / Không học hành, không nhà cửa đêm nay”

(*Trẻ em trên mặt đất*)

“Đêm lạnh - phố lạnh - những đứa trẻ lạnh - người đàn bà lạnh”

(*Thế giới đang lạnh dần*)

Thành phố giá lạnh biểu tượng cho hiện thực bạc bẽo, tráo trở, lòng người đảo điên. Xã hội thiếu vắng đi là những gắn bó, chặt vật trong những mối quan hệ dở dang của con người. Thế giới không thể là mái nhà ấm áp cho em, cho những đứa trẻ, cho một người đàn bà thì thế giới ấy hẳn thiếu vắng đi cùng cực cả niềm tin, tình yêu, hạnh phúc. Phố đầy cam bẫy, cả phố là một “cái bẫy chuột khổng lồ”:

“Người ta đã bắt trộm hết cả mèo của một thành phố / Để bán cho những người đi buôn và
đổi lấy bia / để giấc mơ của chúng ta toàn vỏ hạt hướng dương

... Sau lưng là thành phố / Rượu họ uống cần bằng nước sông Hồng chua loét vị phù xa

... Em ở giữa vòng tay của anh / Chuyện tàu đêm chạy qua những nóc nhà thành phố
đem theo mùi mồ hôi của những áo quần nhàu nát”

(*Giữa vòng tay thành phố - Trích thơ dài*)

“Trong thành phố - Thay dần cho tiếng gà sớm bình yên / Là tiếng tru lên đục ngầu của bầy
chó dữ”

(*Khúc hát*)

“Thành phố cũ / Nơi bóng đêm cần được yên ổn

Cho nụ hôn của chúng ta thấp sáng / Mọi sự bất trắc của thế gian này

... Thành phố đêm nay / Cần phải ngủ

Để tiếp tục những giấc mơ thiếu thốn của mình

... Thành phố cũ / Trong căn buồng hôi hám và chật trội

Nơi con người / Phải mưu sinh cùng với chuột

Họ đã bắt trộm hết cả mèo của một thành phố / Để bán cho kẻ đi buôn và đổi lấy bia”

(*Phố V*)

Hiện thực cuộc sống đói nghèo, thiếu thốn, nơi con người phải mưu sinh cùng với chuột. Hóa ra để sống con người ta cũng phải sống tăm tối chui lủi trong những “căn buồng hôi hám và chật trội”, phải tồn tại bằng cách đục khoét gặm nhấm. Tệ hại hơn, cái hiện thực về mỗi buổi sáng thay vì cái bình yên của tiếng gà gáy ban sơ là “tiếng tru lên đục ngầu của bầy chó dữ” – một thứ âm thanh khủng khiếp. Nó va đập nhức nhối, thô cục mà dữ dằn. Hóa ra, con người sống với nhau trong phố thị lại bằng những mối quan hệ thù hận, bằng những cái nhìn hung dữ về nhau thậm chí bằng cả những suy nghĩ ác độc, bất kể lúc nào cũng có thể nhe nanh múa vuốt xông vào nhau để tranh giành miếng ăn, để được sống. Hiện thực đáng sợ và khốc liệt quá!

Khám phá, nhận diện về biểu tượng phổ trong thơ Nguyễn Việt Chiến, chúng ta cũng thấy rất nhiều những góc nhìn đa dạng, mới mẻ về biểu tượng này. Từ những tri nhận thế sự hàng ngày, lòng ghép kết cấu sắp đặt thành biểu tượng, rõ ràng đem lại một thế giới cảm nhận đa nghĩa độc đáo, đầy lí thú với vô tận chiều kích cho người đọc, phù hợp với chiều hướng cách tân và đổi mới thơ ca. “*Những sự trình bày trực tiếp rõ ràng về chuẩn mực có ý thức càng ít bộc lộ chất thơ hơn là sự bày tỏ gián tiếp, bóng gió mơ hồ dường như càng thúc đẩy sự vô thức*”[9, tr.228]. Khi làm sáng tỏ diện mạo của biểu tượng cũng là lúc chúng ta ghi nhận tài năng và dấu ấn đặc sắc riêng của tác giả. Trong thơ Nguyễn Việt Chiến “phổ” không phải đánh đồng với Thăng Long – Hà Nội, là biểu tượng của chống thiên, không được tri nhận như một biểu tượng về sân khấu chính trị, “đồng hình” với quốc gia, hay “trái tim” của đất nước. Với Nguyễn Việt Chiến “phổ” là biểu tượng của cái đẹp của sự lãng mạn; là cái mới, sự đổi thay và cũng là cái cảm dỗ bất an đồ vờ.

2.2. Biểu tượng “phổ” nhìn từ kiến tạo

Để tạo nên những nội dung biểu hiện của biểu tượng “phổ” ở trên, Nguyễn Việt Chiến đã sử dụng những hình thức nghệ thuật đặc sắc. Có nhiều cách thức tổ chức, kiến tạo một biểu tượng thơ, nhưng với biểu tượng “phổ”, nhà thơ đã vận dụng linh hoạt và tài hoa cái tôi trữ tình cùng cách tổ chức thi ảnh phức tạp.

2.1.1. Biểu tượng “phổ” và cái tôi trữ tình

Biểu tượng “phổ” là kết quả của sáng tạo nghệ thuật đầy dụng mang chức năng mã hoá cảm xúc tư tưởng quan niệm của nhà thơ về đời sống. Nghiên cứu biểu tượng là hành trình giải mã những bí ẩn. PGS. TS Trịnh Bá Đình cho rằng quy trình thiết lập ý nghĩa biểu tượng là mối quan hệ hai chiều, tương tác, phụ thuộc lẫn nhau của ba yếu tố tác giả hàm ẩn – kí hiệu biểu tượng – người diễn giải. Tác giả hàm ẩn trong thơ là cái tôi trữ tình. Cái tôi trữ tình tâm trạng, cảm xúc, cảm nhận, là thế giới nội tâm – tâm hồn của riêng nhà thơ trước hiện thực khách quan cuộc sống. Qua cái tôi trữ tình, ta có thể thấy được những suy nghĩ, thái độ, tư tưởng,... của nhà thơ trước cuộc đời. Tuy đã rất thành công với cái tôi trữ tình công dân khi viết về đề tài biển đảo nhưng khi làm nổi bật biểu tượng phổ Nguyễn Việt Chiến lại chuyên chú vào cái tôi trữ tình đời thường. Cái tôi này là tiếng nói trữ tình chủ yếu hướng nội, là cái tôi tự thức với những quan niệm về thơ, tự họa chân dung thế hệ - tự phân tích, tự biểu hiện chân dung tinh thần trong trạng thái đầy suy tư ngẫm ngợi. Mối quan hệ giữa cái tôi trữ tình và biểu tượng là mối quan hệ khi là đồng nhất, lúc là phân thân đối thoại. Có thể thấy khi cái tôi trữ tình hòa điệu vào phổ, đó là lúc phổ là biểu tượng cho cái đẹp, sự lãng mạn. Cái tôi với những rung cảm tinh tế, đắm say cùng với thiên nhiên đất trời, đồng điệu hòa nhịp trong những mùa phổ đi qua:

“Tôi đập khê vào mùa lá / Có chi em rụng xót lòng
Có thể mùa xuân chưa âm / Mỗi chiều phổ lá tôi rung”

(*Biến khúc ngợi ca cái đẹp*)

“Phổ tôi ở mùa đông cây vắng lá / ... Phổ tôi ở con ve yêu mùa hạ
... Phổ tôi ở mùa thu vàng trắng biếc / ... Phổ tôi ở mùa xuân nghìn cánh pháo
... Phổ bốn mùa giờ em ở nơi đâu?”

(*Phổ bốn mùa*)

Nhưng nhiều hơn, phần lớn cái tôi trữ tình là “ta”, “anh”, chủ thể phân thân vừa là mình vừa là kẻ khác, một cái tôi chứa đựng nhiều cái tôi, tiệm cận đến cái tôi suy nghiệm, đa ngã trong thơ đương đại. Để có biểu tượng “phổ” trong tác phẩm trước hết nhà văn phải tạo ra được những hình ảnh cụ thể cảm tính có đường nét màu sắc hình hài mà người đọc có cảm giác có thể nhìn thấy sờ thấy nghe thấy. Tiếp đến nhà văn chú ý đến việc sắp xếp bố cục sao cho hình ảnh cụ thể cảm tính đó trở nên nổi bật gây ấn tượng sâu sắc về mặt ý nghĩa. Nhà văn làm sao cho người đọc luôn có cảm tưởng rằng đằng sau những hình ảnh chi tiết hình tượng có một vài ý nghĩa nào đó khiến họ

cảm thấy bị ám ảnh. Trong quan hệ với cái tôi trữ tình, phố thị hình như đã xa lạ, là cái mới, sự đổi thay nhiều bất an, cảm dỗ:

“Mùa hạ này người *thành phố* / bắt đầu đun nấu bằng than tổ ong
... Người ta đã bắt trộm hết cả mèo của một *thành phố* / Để bán cho những người đi buôn và
đổi lấy bia / để giấc mơ của chúng ta toàn vớ hạt hướng dương
... Sau lưng là *thành phố*
Rượu họ uống cần bằng nước sông Hồng chưa loét vị phù xa / ... Em ở giữa vòng tay của
anh
Chuyến tàu đêm chạy qua những nóc nhà *thành phố* / đem theo mùi mồ hôi của những áo
quần nhàu nát”

(Giữa vòng tay thành phố (trích thơ dài))

Cái tôi trữ tình cô đơn và cô độc, tách ra độc lập, chủ động quan sát, mổ xẻ những góc ngách của hiện thực đời sống. Nó chiêm nghiệm - triết lí, cái tôi đã khắc họa trong mình tâm thế chung của con người đương đại trước thời gian, con người và cuộc sống. Từ những chi tiết bộn bề, những sự kiện tiếp nối diễn ra trong cuộc sống, bằng những cảm xúc suy tư, tác giả đã tạo ra những hình ảnh mang nhiều ý nghĩa ẩn chứa trong nó. Đó chính là cuộc sống với bao cung bậc tình tẻ, vi diệu được chuyển tải trong thơ qua lăng kính của nhà thơ. Và đúc kết thành những triết lí có ý nghĩa sâu sắc, thể hiện một sự nhạy bén trong tầm nhìn, khả năng phát hiện, khái quát mạnh mẽ hình tượng thơ. Cái tôi trữ tình nhìn rõ, phơi bày và bóc trần các diện mạo của phố, mang lại cho người đọc những cảm xúc tươi nguyên về một thế giới thơ lấp lánh chất đời, đề sống ý nghĩa hơn, đẹp hơn và nhân văn hơn. “*Cảm thức chủ đạo trong thơ Nguyễn Việt Chiến như đã nói là những mộng mơ giữa lưu đầy của một cá nhân cô độc ... Lưu đầy trong nỗi cô đơn, trong hoàn cảnh sống tha hóa, đánh mất những vùng trời bình yên thuở nguyên sơ, cố níu giữ tâm hồn con người... thơ Nguyễn Việt Chiến đã vận hành từ mỹ cảm cá nhân đến vấn đề có tính phổ quát của xã hội, cộng đồng, từ trường thẩm mỹ thơ ca đến trường văn hóa của thời đại. Trong ý niệm ấy, nỗi cô độc được hóa giải!*” [27]

2.1. 2. Biểu tượng “phố” và tổ chức thi ảnh phức tính

TS. Chu Văn Sơn cho rằng: “*Cái hồn của thơ không phải là chữ, mà là cái vàng sáng tỏ mờ bao quanh mỗi chữ. Nó là tinh chất của sự sống thi sĩ đã trút vào và làm tràn đầy mỗi chữ*” [30; tr.8]. Điều này lại càng rõ nét hơn khi tác giả dùng biểu tượng để phản ánh. Biểu tượng luôn đa nghĩa, không chỉ hướng đến lí trí mà còn hướng đến cả những tình cảm, vô thức, nảy sinh những liên tưởng phức tạp, thể hiện sự đa dạng của quan hệ giữa cái nhìn thấy được với cái thuộc tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng. Khi kết cấu biểu tượng “phố”, Nguyễn Việt Chiến luôn tạo ra một tổ hợp phức tính tăng thêm khả năng biểu đạt nghĩa tạo sinh cho biểu tượng này. Chúng ta thấy cấu trúc nhiều bậc của nhiều thi ảnh hỗn độn, tưởng không có liên quan với nhau, nhưng hội tụ lại thành một thể thống nhất, chặt chẽ: “*Dãy phố xưa – như một người già – Gối đầu vào đêm mưa – để thức*”; “*thành phố – chiếc gạt tàn của những mẩu đèn đêm – đang đòi cháy ngược*”; “*thành phố cũ – như con tàu bị mắc cạn – bên dòng chảy của những nghịch lí buồn rầu*”. Những lớp nghĩa hàm ẩn của biểu tượng ẩn dấu sau sự hiện hữu của kí hiệu ngôn ngữ có thể lộ diện ở nhiều khía cạnh và chiều kích khác nhau. Có trường hợp khác, khi tổ chức biểu tượng phố, thi nhân chọn nhiều tiêu loại phố cũng là một cách biểu đạt: “*chiều mưa ngược phố - màu lam phố - thành phố trong mưa*”, “*cây phố - hơi phố - phố vắng – ngoài phố - phố cổ*”, “*hồn phố - nhà phố - người phố - đèn phố*”, “*đêm lạnh – phố lạnh – đứa trẻ lạnh – người đàn bà lạnh*”. Đôi lúc biểu tượng phố còn được cấu tạo theo kiểu biểu tượng lồng biểu tượng: phố - mưa, phố - đêm, phố - xưa / cũ / cổ, phố - mùa, ... Từ đó có thể thấy “*..., việc xác lập nghĩa mới cho mỗi kí hiệu biểu tượng còn là hành trình bởi tự nghĩa cho bất cứ biểu tượng “sống nào”. Đó vừa là điều kiện, vừa là “hành vi” tự sinh của biểu tượng ... Biểu tượng không chỉ là sự mặc định, mang tính quy ước mà tính ngẫu*

nhiên, cơ chế tự sinh biểu tượng như một loại kí hiệu đặc thù ...” [8; tr. 98 - 99]. Cách sáng tạo biểu tượng “phổ” như vậy, Nguyễn Việt Chiến tác động đến toàn bộ tinh thần của người tiếp nhận, cả cảm giác, lí trí, tâm linh và được cộng đồng thừa nhận chứ không chỉ mang tính cá nhân.

3. Kết luận

Lớp nghĩa hàm ngôn của biểu tượng “phổ” được mã hóa và diễn giải gắn với các vấn đề của văn bản, phụ thuộc vào ngữ cảnh, ngôn cảnh, vào các quy tắc điều khiển của tác giả. Từ hình tượng nghệ thuật đến biểu tượng đương nhiên là cả một quá trình thẩm thấu những giá trị của hình tượng trong tiềm thức văn hóa người đọc. Song nhờ quá trình khổ ải, dày công và khắc nghiệt này tri thức thẩm mĩ, thị hiếu thưởng thức của người sáng tác và người đọc tăng lên, tạo thành một “chất văn hóa mới”. Hành trình đi từ các hiện thực đời sống khách quan được tri giác, lặp đi lặp lại có hệ thống trở thành ám ảnh trong tác phẩm văn học là một quá trình rất dài. Nó thể hiện những nhận thức chủ động, riêng của người sáng tác, sự mã hóa ý nghĩa của biểu tượng bằng hệ thống ngôn ngữ thách thức người đọc tri ngộ, rồi bừng tỉnh, vỡ òa trong sự đón ngộ. Đương nhiên cái hay không phải là người đọc thấy được ý nghĩa của biểu tượng, cái ý vị tuyệt vời nhất là con đường đi, cách lí giải vì sao có ý nghĩa nội dung như thế. Sự tạo sinh biểu tượng trong thế giới tượng tượng, liên tưởng của con người tạo ra những giá trị biểu hiện vô cùng kỳ diệu, như luận điểm của I.M Xêtrênốp khẳng định: “*Các biểu tượng là kết quả trung gian từ các tri giác phân chia thành từng thành phần riêng lẻ của sự trừu tượng hoá một tổng số nhất định các vật thể cùng loài và thành phần của sự trừu tượng hoá này bao gồm ngoài các dấu hiệu bề ngoài còn có các dấu hiệu không phơi bày ra một cách trực tiếp mà phải nhờ một sự phân tích chi tiết về mặt trí tuệ và thể chất các vật thể, cũng như quan hệ giữa chúng với nhau và giữa chúng với con người*” [31]. Cũng hi vọng xa hơn, qua công việc nghiên cứu này, thơ ca và những cách tân nghệ thuật, hành trình tư tưởng của Nguyễn Việt Chiến sẽ đến với độc giả sâu rộng hơn, khẳng định vị trí của anh trong làng thơ Việt đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] E. Cassirer, 1988. “*Kinh nghiệm về con người*” và “*Triết học các hình thức biểu tượng*” (Bản dịch từ tiếng Đức của Muravieva) // Trong cuốn: *Những vấn đề con người trong triết học phương Tây*, Moskva, 1988 (tiếng Nga), bản dịch của Đoàn Văn Chúc.
- [2] Charles Sanders Peirce, 1931 – 1958. Tập hợp tác phẩm (8 tập, nhiều người biên tập), MA: Havard University Press, Cambrige, dẫn theo Trịnh Bá Đĩnh, 2018, “*Từ kí hiệu đến biểu tượng*”. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội (tr.357).
- [3] A.F. Losev, 1971. *Biểu tượng và sáng tạo nghệ thuật*. Thông tin khoa học của viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Ban Văn học và Ngôn ngữ, T. XXX, Moskva, dẫn theo Trịnh Bá Đĩnh, 2018, *Từ kí hiệu đến biểu tượng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội (tr.32).
- [4] Iu. Lotman, 2015. *Kí hiệu học văn hóa // Không gian nghệ thuật trong văn xuôi Gogol* (Lã Nguyên dịch). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Carl Gustav Jung, 2007. *Thăm dò tiềm thức* (Vũ Đình Lưu dịch). Nxb Tri thức, Hà Nội
- [6] Alain Gheerbrant, Jean Chavelie, 2002. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, (Phạm Vĩnh Cư chủ biên nhóm dịch). Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du, Hồ Chí Minh
- [7] Tzvetan Todorov, 1978. *Chủ nghĩa biểu tượng và sự diễn giải*. Edition du Seuil, Paris dẫn theo Trịnh Bá Đĩnh, 2018. *Từ kí hiệu đến biểu tượng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội (tr.43).

- [8] Trịnh Bá Đình, 2018. *Từ kí hiệu đến biểu tượng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [9] Đinh Hồng Hải, 2014. *Nghiên cứu biểu tượng, một số hướng tiếp cận lí thuyết*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [10] Tạ Đức, 1999. *Nguồn gốc và sự phát triển của kiến trúc biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn*. Hội Dân tộc học Việt Nam –Trung tâm Tiền sử Đông Nam Á.
- [11] Chu Thị Quỳnh Giao, 1999. *Biểu tượng rùa trong văn hóa Việt Nam và thế giới*. Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1/1999
- [12] Phạm Đức Dương, 2002. *Từ văn hóa đến văn hóa học*. Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Thị Bích Hà, 2013. *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [14] Vũ Ngọc Phan, 2004. *Tục ngữ - ca dao – dân ca Việt Nam*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [15] Vũ Anh Tuấn, 1984. *Về một số biểu tượng văn học dân gian miền núi*. Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2/1984.
- [16] Phạm Thu Yến, 1998. *Những thế giới nghệ thuật ca dao*. Nxb Giáo dục.
- [17] Nguyễn Thị Ngân Hoa, 2005. *Sự phát triển của hệ thống biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Ngữ Văn, Viện Ngôn ngữ.
- [18] Dương Thị Thanh Hiền, 2000. *Hệ thống hình ảnh biểu tượng trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*. Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Viện ngôn ngữ.
- [19] Bùi Thị Nguyệt Hồng, 2003. *Biểu tượng nghệ thuật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*. Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [20] Dương Ngọc Hải, 2011. *Biểu tượng nghệ thuật trong thơ Xuân Quỳnh*. Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
- [21] Ngô Thị Tuyết, 2013. *Thế giới biểu tượng trong Di cảo thơ của Chế Lan Viên*. Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
- [22] Nguyễn Thị Duyên, 2015. *Biểu tượng “nước”, “lửa” trong sáng tác của một số nhà văn nữ đương đại*. Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
- [23] Lê Thị Thanh Hằng, 2015. *Những biểu tượng nghệ thuật tiêu biểu trong thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám năm 1945*. Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [24] Đoàn Văn Mật, *Khách mời quán văn - Nhà thơ Nguyễn Việt Chiến* .<http://daotao.vtv.vn/khach-moi-quan-van-nha-tho-nguyen-viet-chien/>
- [25] Đỗ Ngọc Yên. *Nhà thơ Nguyễn Việt Chiến hào hức lên con tàu tìm bến đỗ mới cho thi ca* <http://toquoc.vn/nha-tho-nguyen-viet-chien-hao-huc-len-con-tau-tim-ben-do-moi-cho-thi-ca-99126859.htm>
- [26] Đỗ Minh Tuấn. “*Nguyễn Việt Chiến – Thiên sư quán trăng*” (Đọc “Trăng và thơ đọc chậm” - NXN Hội nhà văn, 2012) <http://vanvn.net/tac-pham-chon-loc/coi-tho-nhu-mot-bao-tang-ky-uc-/1759>)
- [27] Gia Nghi. “*Hóa giải cô độc – từ đọc chậm đến sống chậm*” (đăng trên trang Văn học quê nhà của báo điện tử Tổ quốc - <http://vanhien.vn/news/hoa-giai-co-doc-tu-doc-cham-den-song-cham-50997>)
- [28] Đoàn Ánh Dương. Vấn đề đô thị trong văn chương Việt Nam hiện đại <http://vannghequandoi.com.vn/Binh-luan-van-nghe/van-de-do-thi-trong-van-chuong-viet-nam-hien-dai-9915.html>.
- [29] Mai Anh Tuấn, 2012. “*Chân dung thơ: Nguyễn Việt Chiến*” (<https://maianhtuan.wordpress.com/> 2012/04/16/chau-dung-tho-nguyen-viet-chien).

[30] Chu Văn Sơn, 2007. *Thơ, điệu hồn và cấu trúc*. Nxb Giáo dục.

[31] <https://www.slideshare.net/thanhtamngoc/tim-hieu-ve-khai-niem-bieu-tuong-va-bieu-tuong-xa-hoi>

ABSTRACT

Symbol “Street” in poetry of Nguyen Viet Chien

Hoang Thi Tran Chuyen

Faculty of Literature, Hanoi National University of Education

Investigating 286 poems of 6 volumes of poetry, we found that Nguyen Viet Chien mentioned of the “street” symbol many times (188 times), which showed the strong influence of urban living space. Contemporary social inspiration of the “street” symbol dominated the poet's composition. Observing from the face, the “street” symbol is always diverse, not only directed to reason, but also towards emotions, unconscious, arising complex associations, expressing the diversity of relations between the visible with the ideological, emotional, and religious beliefs. The “street” symbol is a picture of a romantic beauty, fanciful, fragile and also a new, a change, a temptation, insecurity and collapse. Observing from constructivism, the “street” symbol is organized in the form of a complex poetic image, in relation to the lyrical self, the relationship when being homogeneous, at the same time as the body of conversation. For this reason, the “street” symbol in the poetry of Nguyen Viet Chien creates extremely miraculous expression values, affecting to the whole spirit of the audience, including feeling, reason, spirit and it is accepted by community but individual.

Keywords: Symbol street, poetry of Nguyen Viet Chien, urban living space.